

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH

9 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

Căn cứ Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

Bệnh viện đa khoa Ninh Thuận công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách 9 tháng đầu năm 2026 như sau:

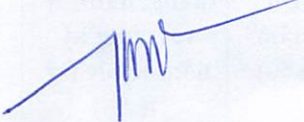
ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 9 tháng đầu năm 2026	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (3/6/9 tháng, năm) so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
I	Tổng số thu	970.261.390.000	586.919.520.172	60,49%	113,19%
1	Ngân sách Nhà nước	4.367.904.000	3.932.500.000	90,03%	105,96%
2	Dịch vụ y tế	847.664.406.000	518.747.950.364	61,20%	113,32%
3	Thu khác (hoạt động dịch vụ)	118.229.080.000	64.239.069.808	54,33%	112,61%
II	Tổng chi	970.261.390.000	574.406.702.939	59,20%	119,56%
A	Tổng chi thường xuyên	967.987.754.000	573.592.450.665	59,26%	119,94%
	Nhóm 1: Chi thanh toán cho cá nhân	190.742.646.000	199.249.786.583	104,46%	117,07%
1	Tiền lương	56.276.562.000	61.965.947.815	110,11%	103,02%
2	Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng	15.486.345.000	20.175.231.521	130,28%	126,58%
3	Phụ cấp lương	98.076.499.000	94.159.259.001	96,01%	123,78%
4	Tiền thưởng	1.370.005.000	-		
5	Phúc lợi tập thể	3.933.744.000	3.563.656.408		
6	Các khoản đóng góp	15.599.491.000	19.385.691.838	124,27%	107,54%
	Nhóm 2: Chi về hàng hóa, dịch vụ	769.570.781.000	358.921.096.210	46,64%	121,06%
7	Thanh toán dịch vụ công cộng	13.950.129.000	12.746.777.690	91,37%	113,92%
8	Vật tư văn phòng	8.839.458.000	3.546.042.249	40,12%	74,70%
9	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	1.261.568.000	773.958.541	61,35%	99,01%
10	Hội nghị	116.904.000	14.500.000	12,40%	13,89%
11	Công tác phí	556.514.000	406.215.800	72,99%	94,28%
12	Chi phí thuê mướn	9.671.663.000	3.904.134.600	40,37%	166,75%
13	Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	46.394.670.000	20.041.008.386	43,20%	160,77%
14	Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	7.487.500.000	8.255.173.541	110,25%	128,35%
15	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	681.292.375.000	309.233.285.403	45,39%	119,86%

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 9 tháng đầu năm 2026	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (3/6/9 tháng, năm) so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	Nhóm 3: Các khoản chi khác	7.674.327.000	15.421.567.872	200,95%	133,45%
17	Chi khác	7.397.185.000	15.287.251.872	206,66%	132,29%
18	các cấp trên cơ sở, các đơn vị hành chính, sự nghiệp	277.142.000			
20	Chi hỗ trợ và giải quyết việc làm		134.316.000		
B	Trích bổ sung chi lương	2.273.636.000	814.252.274	35,81%	37,32%

Nơi nhận:
- Ban Giám đốc;
- Đăng Website BVĐKNT;
- Lưu TCKT.

Người lập bảng



Lê Nguyễn Kiều My

Kế toán trưởng



Phan Thụy Thu Vân

Ngày 07 tháng 10 năm 2026
Giám đốc



Lê Huy Thạch